

**KINH
PHÁP
CÚ
BẮC TRUYỀN**

ĐTK/ĐCTT, N°. 0210

Soạn tập:

Tôn giả Pháp Cứu

Hán dịch:

Đời Ngô, Thiên Trúc Sa-môn Duy-kỳ-nan

Việt dịch:

Thích Đồng Ngộ - Thích Nguyên Hùng

Lời thưa

Cùng Pháp lữ xa gần quý mến!

Kinh Pháp cú Nam truyền đã được dịch ra nhiều thứ tiếng trên thế giới¹. Riêng tiếng Việt, bản dịch sớm nhất là của hai vị cố Hoà thượng Thích Thiện Siêu, (năm 1959, dựa trên bản dịch Hán văn của Pháp sư Liễu Tham) và cố Hoà thượng Thích Minh Châu, (năm 1969, dịch từ nguyên bản Pāli). Cả hai bản dịch này hiện đã được tập hợp và in chung thành bộ Kinh Pháp Cú – Lời Phật dạy, nxb. Hồng Đức ấn hành năm 2014.

Đến nay, Kinh Pháp cú Nam truyền đã có nhiều công trình nghiên cứu và dịch thuật khác. Tiêu biểu có Thi kệ Pháp cú kinh của Thích Tịnh Minh; Kinh Pháp cú của Phạm Kim Khánh; Kinh Lời Vàng - Thi hóa Dhammapada, của Tỳ-kheo Giới Đức (Minh Đức - Triều Tâm Ảnh); Kinh Pháp Cú, của Tâm Minh Ngô Tằng Giao chuyển dịch thơ... Ngoài ra, còn nhiều tác phẩm thi hoá, thi lược khác, như Lời vàng vi diệu của Thích Giác Toàn, Thi lược lời kinh Pháp cú của Triều Nguyên, Pháp cú tinh hoa của Vũ Anh Suong... Có thể nói, Pháp cú Nam truyền đã tạo nguồn cảm hứng vô

¹ Xem mục Phụ bản A, Thư tịch, trang 307, *Kinh Pháp cú – Lời Phật dạy*, của HT. Thích Thiện Siêu và HT. Thích Minh Châu, nxb. Hồng Đức, năm 2014.

tận cho giới học Phật, hình thành nên nghệ thuật, thi ca đầy sáng tạo, khiến cho hương hoa chánh pháp ngào ngạt muôn phương!

Trong khi đó, Kinh Pháp cú Bắc truyền, vốn được dịch từ Phạn sang Hán, hiện đang lưu giữ trong Đại tạng kinh Đại chánh tân tu, tập IV, số hiệu 0210, mới chỉ có hai công trình dịch thuật bằng văn xuôi (Kết một tràng hoa của Hoà thượng Thích Nhất Hạnh, Đọc pháp cú Bắc tông của Hoà thượng Thích Trí Quang) và một bản kệ tụng trong Linh Sơn Pháp bảo Đại tạng kinh.

*Nhận thấy, Pháp cú Bắc truyền có 39 phẩm, 759 bài kệ, không những chứa đủ nội dung Pháp cú Nam truyền (gồm 26 phẩm, 423 bài kệ), mà còn nhiều hơn 13 phẩm, 336 bài kệ với nhiều ý nghĩa sâu xa, thí dụ sinh động, chúng tôi mạo muội chuyển dịch tác phẩm này ra tiếng Việt với tựa đề **KINH PHÁP CÚ BẮC TRUYỀN** để Tăng Ni và Phật tử có cơ hội tiếp xúc, đối chiếu kinh điển giữa hai truyền thống, ngõ hầu hái được những đóa hoa sắc hương trong vườn hoa Tuệ giác, làm đẹp cho đời.*

Bản dịch này căn cứ trên bản Đại chánh và tham cứu thêm bản Nam Bắc truyền Pháp cú kinh kệ cú đối

chiếu biểu của Hội xá Thất diệp Phật giáo¹ để phân chia kệ tụng. Chúng tôi cũng cho in nguyên bản ở cuối bản dịch để bạn đọc tiện đối chiếu.

Trong quá trình phiên dịch, chúng tôi nhận được nhiều khích lệ từ chư tôn đức và quý pháp hữu am tường Hán tạng; nơi đây, xin chân thành tri ân chư tôn đức và quý bằng hữu.

Trong vài thập niên đầu công nguyên, khi Phật pháp mới du nhập Trung quốc, do vốn dụng ngữ Phật học chưa nhiều, nên các dịch giả kinh Phật nói chung và dịch giả kinh Pháp cú nói riêng phải vay mượn nhiều khái niệm bản ngữ để diễn tả. Đây là một thử thách không nhỏ đối với chúng tôi, và cũng do đó nên bản dịch không sao tránh khỏi sai sót, vụng về. Kính lạy Thiện tri thức mười phương hỷ xả và chỉ dạy thêm cho.

Am Vô Nguyện
Cuối thu Bính Thân, Phật lịch 2560
Thích Nguyên Hùng

¹ Xem ở đây: <http://www.bjbci.com/fjj/974.jhtml>; và ở đây: <http://book.bfn.org/books3/2075.htm#a239>.

Bài tựa

Kệ Đàm-bát là nghĩa lý cốt lõi của các kinh. Đàm nghĩa là Pháp; Bát nghĩa là Cú. Pháp cú cũng có mấy bộ khác nhau, có bộ gồm 900 câu kệ, có bộ 700 câu, có bộ 500 câu.

Kệ hay Thi tụng tức là lời kết. Những bài kệ này do Thế Tôn gặp việc tùy nghi diễn thuyết chứ không phải nói ra trong một lúc. Mỗi bài kệ đều có mở đầu, kết thúc và nằm rải rác trong kinh. Đức Thế Tôn vì lòng đại từ thương xót chúng sinh mà thị hiện ở đời, khai mở chân lý nhằm giải thoát cho họ. Giáo nghĩa Phật thuyết gói gọn trong mười hai phần giáo và được phân thành nhiều bộ. Như bốn bộ A-hàm là bộ kinh do Tôn giả A-nan khẩu truyền sau khi Phật nhập diệt. Bát luận bài kinh dài ngắn, phần mở đầu đều có câu “Tôi nghe như vậy” nhằm khẳng định đây là nghĩa lý nhiệm mầu từ kim khẩu Phật nói ra lúc Ngài còn tại thế. Về sau, sa-môn của năm bộ phái tự sao chép những bài kệ 4 câu hoặc 6 câu trong các kinh, dựa trên nội dung từng bài kệ đó rồi đặt tên phẩm. So với mười hai phần giáo, nội dung của các bài kệ này quá ngắn gọn, không có tên kinh thoả đáng, nên gọi chung là Pháp cú.

Lời kinh gọi là *Pháp ngôn*, *Pháp cú* được hình thành dựa trên *Pháp ngôn* này. Gần đây *Cát-thị*¹ truyền lại 700 câu kệ nghĩa lý sâu xa, rất tiếc người dịch đã làm lẫn lộn nghĩa lý đôi chút. Phật đã khó gặp, lời Phật lại càng khó được nghe, hơn nữa Ngài thị hiện ở Thiên Trúc, mà ngôn ngữ Thiên Trúc lại không đồng âm với Hán ngữ. Sách của Thiên Trúc được gọi là *Phạn thư*, ngôn ngữ được gọi là *Phạn ngữ*, danh vật không đồng nên chuyển dịch cho chính xác là điều không dễ. Xưa chỉ có An Thế Cao, Đô úy Phật Điều chuyển dịch từ Phạn sang Hán là chính xác nhất, từ đó về sau khó ai tiếp bước². Dịch giả sau này dù không thể nêu bật được nghĩa lý sâu kín, nhưng vẫn giữ được giá trị và chỉ thú của tác phẩm.

Duy-kỳ-nan (Vighna) là người đầu tiên chuyển dịch từ Phạn sang Hán. Ngài vốn người Thiên Trúc, đến Vũ Xương vào năm Hoàng Vũ thứ 3 (224 Tây lịch), mang theo bản *Pháp cú* gồm 500 kệ tụng, mời đồng đạo Trúc Tương Diễm cùng chuyển dịch. Diễm tuy giỏi Phạn văn nhưng lại không rành Hán ngữ, thành thử bản dịch của ngài có những chữ để nguyên Phạn ngữ, hoặc dựa trên nghĩa đặt âm, cốt chuyển tải

¹ Cát-thị 葛氏. Chưa khảo cứu được!

² Tức là tính đến khoảng 222-253 Tây lịch, giai đoạn Chi Khiêm tận lực phiên dịch kinh điển.

được tính chân thật chứ văn từ thì không mấy bác học. Hồi ấy, Khiêm tôi cho rằng, ngôn từ ngài dịch chưa mấy nhuần nhuyễn, Duy-kỳ-nan nói: “Phật dạy: Nương nghĩa lý đừng quá cầu trau chuốt, chọn pháp chứ đừng chạy theo tính nghiêm mật”, những bản kinh truyền lại cho đời cần phải dễ hiểu và không đánh mất nghĩa lý của nó, như vậy gọi là thiện. Hầu hết người dịch đều cho rằng, Lão tử bảo: “Lời đẹp thì không đáng tin, lời đáng tin thì không đẹp”; Khổng tử cũng bảo: “Sách không truyền tải hết lời, lời không chuyển tải hết ý”, đủ thấy ý của thánh nhân thâm thúy vô cùng.

Pháp cú bản Phạn hiện nay lưu hành, nghĩa lý thật chính xác với kệ kinh, bởi đây là những kệ tụng được khẩu truyền và khẩu dịch. Cổ đức đã từng hiệu đính nhưng không thêm thắt văn từ, những bản dịch khó hiểu thì không lưu truyền nữa, vì thế có rất nhiều bài kệ đã bị bỏ đi. Văn từ Pháp cú mộc mạc nhưng ý chỉ lại thâm sâu, câu chữ ngắn gọn nhưng nghĩa lý nhiệm mầu, cốt chuyện liên quan đến kệ kinh, mỗi bài kệ đều có nguyên do, từng câu đều có nghĩa. Người xuất gia ở Thiên Trúc nếu không học Pháp cú là đi sai trình tự tu học. Pháp cú chính là nấc thang cần thiết giúp những người xuất gia tu tập thâm nhập vào pháp tạng sâu xa, khéo khai mở cho kẻ mê

muội, biện rõ chánh tà, khuyến hóa người học trở về sống với chính mình, dù học ít nhưng kiến giải minh mông, có thể nói Pháp cú là nghĩa lý mâu nhiệm, cốt yếu tột bậc.

Lúc kinh mới truyền, có rất nhiều chỗ không hiểu. Gặp Trương Diễm đến, lại học hỏi thêm, mới có bản kệ đây, lại thêm 13 phẩm mới. So những bản khác, số lượng kệ tụng có tăng lên nhiều. Xếp theo phẩm mục, tổng có một bộ gồm 39 phẩm, cả thảy hơn 750 bài kệ.

Với việc làm ấy có bao ích lợi, đều san sẻ ra, ngõ hầu gần xa cùng nhau học hỏi!

Chi Khiêm
Cẩn bút

QUYỂN HẠ
(gồm 18 phẩm, 402 bài kệ)

Việt dịch : Thích Nguyên Hùng

Phẩm 22 ĐỨC PHẬT¹

[567a] Phẩm ĐỨC PHẬT gồm 21 bài kệ, nói về : Minh và Hạnh của Phật, làm quy tắc sáng soi, lợi lạc cả trời người.

358.

*Tự thắng, không dư tàn
Phật hơn cả thế gian
Trí sáng suốt không lường
Dẫn kẻ mù vào đạo.*

359.

*Lưới ái đã rách toang
Hết buộc ràng, neo đậu
Trí Phật quá sâu mầu
Chẳng ai tìm được dấu².*

¹ Thuật Phật phẩm. Tương đương Pāli, phẩm 14, Buddhavagga.

² Tham chiếu Pāli: apadam kena padena nessatha? HT. Minh Châu dịch: Ai dùng chân theo dõi/ Bậc không để dấu tích?

360.

*Dững mãin quyết một lòng
Ngày đêm chẳng luống không
Xuất gia đoạn ái dục
Học chánh niệm sáng trong.*

361.

*Thấy chân lý, vô nhiễm
Vượt cả năm đường hiểm¹
Phật soi sáng muôn phương
Trừ khổ đau sâu tưởng.*

362.

*Được làm người, đã khó
Sống trường thọ, khó hơn
Phật ra đời, hiếm có
Được nghe pháp, khó hơn.*

363.

*Ta chẳng thầy dạy bảo
Không bằng hữu, cô thân
Chuyên thiền định, thành Phật
Thánh đạo tự nhiên thông.*

¹ Năm đường (tức ngũ đạo 五道, ngũ thú 五趣): năm con đường mà chúng sanh phải đi qua, tùy theo nghiệp của mình, gồm địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, người và trời.

364.

*Thuyền sư¹ khéo qua sông
Lấy tinh tấn làm cầu.
Người bị họ hàng buộc²
Ai thoát là kiện hùng.*

365.

*Phật, đoạn mọi nẻo ác
Phạm chí, chăm hành thiền
Pháp học, trừ đời khát
Tăng, đoạn ái dục duyên.*

¹ Thuyền sư 船師: một danh hiệu khác của Phật. Phật giáo hóa chúng sinh, khiến cho tất cả đều vượt qua biển sinh tử, đến bờ niết-bàn, giống người thuyền trưởng đưa người qua sông, vượt biển, nên tôn xưng Phật là Đại thuyền sư. Tham chiếu Trường A-hàm, kinh Du hành: *Phật là hải thuyền sư/ Pháp là cầu sang sông/ Là chiếc xe Đại thừa/ Đưa hết thầy trời, người./ Cũng tự mình cõi trời./ Sang sông, lên bậc Thánh/ Khiến tất cả đệ tử./ Cõi trời, đến Niết-bàn.*

² Tham khảo 《法句經》譯文及解讀: 種姓係: 種姓, 印度社會特有的等級制度, 當時有婆羅門、刹帝利、吠舍等不同等級。係, 即牽絆、附屬。Tham cứu: 種姓, Gotrabhū, 【形】破壞種姓的人。Gotrabhū-ñāna, 種姓智 (改變凡夫 (puthujjana) 的種姓成為聖人 (ariya-puggala) 種姓, 進入須陀洹道之前的一位階。gotta (梵BSk.Gotra: 姓、氏姓、種姓、家系)。《增支部註》(AA.9.8-10./IV, 170.): gotrabhūti sotāpattimaggassa anantarapaccayena sikhāpattabalavavipassanā-cittena samannāgato. (種姓 (心): 緊接的須陀洹道是, 得到具有強勁毘鉢舍那頂峰之心。)

366.

*Phật nói niết-bàn cao
Các hạnh, nhân đứng đầu
Sa-môn trừ điều ác
Không nhiều hại ai đâu.*

367.

*Không nhiều hại đến ai
Đúng giới luật nghiêm trì
Bỏ tham thân, ăn ít
Sống ẩn cư núi rừng
Ngộ chân lý, tuệ sáng
Là lời Phật kính vâng !*

368.

*Chớ tạo các điều ác
Siêng làm các hạnh lành
Giữ tâm ý tịnh thanh
Là lời chư Phật dạy.*

369.

*Phật là bậc tôn quý
Lậu tận, sạch lỗi lầm
Pháp vương dòng họ Thích
Muôn loài đều ngưỡng tôn.*

370.

*Vui thay, nhờ phước báo
Sở nguyện được viên thành
Chứng tịch tịnh thật nhanh
Niết-bàn tự mình đến.*

371 và 372.

*Tìm nhiều chỗ gá nương
Như thân cây, sông, núi
Lập miếu thờ, hoạ tượng
Cúng tế để cầu may*

*Ai gá nương như vậy
Không tới thượng nhiệm mầu
Bởi thân kia đâu đến
Giúp ta hết khổ đau!¹*

¹ Hai bài kệ này giống bài kệ 743.

373.

*Ai phát nguyện nương về
Phật, Pháp, Tăng thanh tịnh
Nương theo tứ Thánh đế¹
Chánh tuệ rạng tâm mình.*

374.

*Nẻo sanh tử khổ đau
Lấy tứ đế làm cầu
Độ đời, bát chánh đạo
Mọi đau khổ qua mau.*

375.

*Nương tựa nơi Tam bảo
Là tối thượng an lành
Mọi đau khổ qua nhanh
Vì nơi đây thuần tịnh.*

¹ Nguyên bản ghi 道德四諦. Từ 道德, trong thời kỳ đầu dịch kinh, từ này dùng thay thế cho chữ Thánh. Ví dụ: 道德弟子 (Ariyasāvaka), tức Thánh đệ tử. Xem, *kinh Tứ đế, kinh Ấm trì nhập*, do An Thế Cao dịch, đã dùng chữ này.

376.

*Trí thức hay trung lưu
Vô tham, chí hướng đạo
Người ấy nhiệm màu thay
Vì đã quy y Phật !*

377.

*Người trí rất khó tìm
Cũng khó được kết thân
Chùng tộc nào họ đến
Lớn nhỏ được bình an.*

378.

*Vui thay Phật ra đời
Vui thay Pháp được thuyết
Vui thay Tăng hòa hợp
Hòa hợp thường an vui.*

Phẩm 23

AN NINH¹

[567b] Phẩm AN NINH gồm 14 bài kệ : so sánh an và nguy ; bỏ điều ác liền thiện, vui mà chẳng đọa lạc.

379.

*Ta sống rất an vui
Không giận hờn oán hận
Giữa những người oán giận
Ta sống không giận hờn.*

380.

*Ta sống rất an vui
Không bệnh giữa ốm đau
Giữa những người ốm đau
Ta sống không đau ốm.*

381.

*Ta sống rất an vui
Không lo giữa lo buồn
Giữa những người lo buồn
Ta sống chẳng buồn lo.*

¹ Tương đương Pāli, phẩm 15, Sukhavagga.

382.

*Ta sống rất an nhàn
Vô vi và thanh tịnh
Thức ăn là hỷ lạc¹
Như cõi trời Quang Âm.*

383.

*Ta sống rất an vui
Đạm bạc và vô sự
Dù ở trong lửa dữ
Nào thiêu đốt được Ta ?*

384.

*Hơn người thì chuốc oán
Thua người ta thở than
Tâm không còn háo thắng
Lòng ta tự bình an.*

385.

*Lửa nào bằng lửa dâm
Độc nào hơn tức giận
Khổ nào bằng khổ thân
Vui nào hơn tịch tịnh.*

¹ Dĩ lạc vi thực: Lấy niềm vui làm thức ăn.

386.

*Ưa chi niềm vui nhỏ
Cần chi chút biện tài
Phải cầu mong đại trí
Mới an ổn lâu dài.*

387.

*Ta là đáng Pháp vương
Thấu triệt lẽ vô thường
Chân thật vượt ba cõi
Một mình hàng ma vương.*

388.

*Vui thay được trông thấy
Và nương tựa Thánh nhân
Lìa xa kẻ ngu đần
Ở một mình cũng tốt.*

389.

*Vui thay giữ chánh đạo
Đem pháp dẫn muôn nơi
Không đua tranh với đời
Trì giới thường an lạc.*

390.

*Ở chung với Thánh hiền
Vui như gặp người thân
Gần với bậc trí nhân
Thấy nghe càng cao rộng.*

391.

*Thọ mạng thật ngắn ngủi
Biết bao kẻ lìa đời
Cần phải học pháp yếu
Khiến suốt đời an vui.*

392.

*Muốn được vị cam lồ
Lìa dục, vui diệt đế.
Muốn thoát sanh tử khổ
Đoạn dục, nếm vị cam lồ.*

Phẩm 24 HAM VUI¹

[567c] Phẩm này có tên chữ Hán là Hảo hỷ, gồm 12 bài kệ : cấm người vui thái quá ; nếu không còn tham dục thì chẳng chuốc ưu phiền.

393.

*Trái đạo, thuận ý mình
Thuận đạo, trái ý mình
Đam mê, bỏ điều nghĩa
Là thuận theo ái tình.*

394.

*Đừng chạy theo người thương
Đừng lánh xa kẻ ghét
Thương không gặp, lo buồn
Ghét gần nhau, cũng khổ.*

395.

*Đừng kết dây luyến ái
Thương ghét khổ dằng dai
Muốn đoạn dây ràng buộc
Đừng thương ghét một ai.*

¹ Tương đương Pāli, phẩm 16, Piyavagga.

396.

*Luyến ái sanh lo buồn
Luyến ái sanh sợ hãi
Ai luyến ái không còn
Đâu buồn lo sợ hãi ?*

397.

*Ham vui sanh lo buồn
Ham vui sanh sợ hãi
Ai dục lạc không còn
Đâu buồn lo sợ hãi ?*

398.

*Tham dục sanh buồn lo
Tham dục sanh sợ hãi
Giải thoát khỏi tham dục
Đâu sợ hãi buồn lo ?*

399.

*Ưu học pháp, giữ giới
Biết hổ thẹn, chí thành
Thân cận đạo thực hành
Được mọi người thương kính.*

400.

*Tâm ái dục không sinh
Chánh tư duy rồi nói
Tâm không còn tham ái
Là cắt dòng tử sinh.*

401 và 402

*Như người đã đi xa
Bình an trở về nhà
Người thân đều hoan hỷ
Lớn nhỏ mừng hoan ca.*

*Người tu phước cũng vậy
Từ đây đến bờ kia
Phước ấy chẳng xa là
Như người thân đoàn tụ.*

403.

*Mới bước chân vào đạo
Ngừng dứt mọi ý tà
Kẻ ác phải lánh xa
Thân gần thiện tri thức.*

404.

Gần đạo và xa đạo

Khoảng cách thật khác nhau

Xa đạo, đọa địa ngục.

Gần đạo, được lên cao.

Phẩm 25 TỨC GIẬN¹

[568a] Phẩm này có tên chữ Hán là Phẫn nộ, gồm 26 bài kệ. Nội dung nói về: thấy tai hại sân hận, hãy khoan dung nhân từ; trời hộ vệ, người thương.

405.

*Tức giận không thấy pháp
Tức giận không biết đạo
Ai trừ được tức giận
Phước lạc thường theo thân.*

406.

*Tham dục không thấy pháp
Ngu si chuốc lụy phiền
Tham sân si diệt hết
Phước đức lớn vô biên.*

407.

*Ai kèm được cơn giận
Như hãm xe lao nhanh
Là người đánh xe rành
Khéo bỏ tối vào sáng.*

¹ Tương đương Pāli, phẩm 17, Kodhavagga.

408.

*Nhẫn nhục thắng sân hận
Hiền thiện thắng hung tàn
Bố thí thắng xan tham
Chân thật thắng hư dối.*

409.

*Tâm không giận, không dối
Không tham tranh với đời
Được ba việc ấy rồi
Chết sanh về thiên giới.*

410.

*Ai khéo giữ thân mình
Từ tâm, không sát sinh
Chết sanh về thiên giới
Cõi ấy hết lo buồn.*

411.

*Tâm ý thường tỉnh giác
Siêng tu học ngày đêm
Lậu hết, tâm giải thoát
Là đến được niết-bàn.*

412.

*Người ta ưa chỉ trích
Vốn là lẽ trong đời
Đã chê kẻ lắm lời
Lại khinh người ít nói
Ghét luôn người hoà nhã
Thiên hạ chẳng chừa ai.*

413.

*Phàm phu còn ham muốn
Chẳng điều phục tâm mình
Bởi lợi danh trời buộc
Nên khen chê nảy sinh.*

414.

*Người minh triết mở lời
Ngợi khen bậc hiền thiện
Người trí tuệ giữ giới
Không nói lời thị phi.*

415.

*Chớ buông lời phỉ báng
Bậc La-hán chơn thường
Vì Đế Thích, Phạm vương
Và cõi Người xưng tụng.*

416.

*Thường cẩn trọng giữ thân
Để ngăn ngừa sân giận
Thân từ bỏ việc ác
Tiến tu đức hạnh lành.*

417.

*Cẩn trọng khi nói năng
Để ngăn ngừa sân giận
Từ bỏ lời nói ác
Thường tụng tập pháp lành.*

418.

*Cẩn trọng giữ tâm mình
Để ngăn ngừa sân giận
Từ bỏ tâm niệm ác
Chỉ tư duy niệm lành.*

419.

*Giữ khẩu nghiệp, bản thân
Thường chế phục tâm ý
Hành đạo bỏ tâm sân
Nhân nhục là bậc nhất.*

420.

*Diệt sân, lìa kiêu mạn
Dứt tham ái buộc ràng
Không vương vào danh sắc
Khổ hết trú niết-bàn.*

421.

*Hóa giải mọi sân giận
Chế ngự tính tham dâm
Trút bỏ mọi si ám
Người này luôn được an.*

422.

*Hết giận ngủ ngon giấc
Lòng thanh thản bình an
Giận hờn, gốc rễ độc
Người tu tâm dịu dàng
Lời hay được xưng tán
Đoạn dứt hết nguy nan.*

423.

*Cùng chí hướng, thân gần¹
Mới hay toàn làm ác
Sau lại nổi tức giận
Lửa bức não thiêu thân.*

424.

*Ai không biết hổ thẹn
Phá giới, hay giận hờn
Bị giận hờn dẫn dắt
Như mùa vụ quay vòng.*

425.

*Có sức làm quân gia
Gây hao chơn nhu hoà
Nhẫn nhục hơn tất cả
Nên thường hay nhẫn nhục.*

¹ Tham khảo : 志同道合之人 (本来) 相互亲近, (却) 假装不知故意为恶; 后来分别之後留下愤恨, (余恨) 之火燃烧自我烦恼不已 (<https://site.douban.com>). Xem thêm *Pháp cú Nhật ngữ* : あしきなかまをもつゆえに, <http://www.geocities.jp/higefuji2767/hokku-25.htm>.

426.

*Bị mọi người phỉ nhổ
Có sức, hãy khiêm cung
Nhẫn nhục mạnh vô cùng
Nên thường hay nhẫn nhục.*

427.

*Người tranh giành với ta
Có ba điều đáng sợ¹
Khi họ đầy sân nhuế
Phải diệt giận trong ta.*

428.

*Cả hai cùng thân cận
Ta khuyên nhủ người kia
Biết họ còn tức giận
Ta phải kiềm chế thân.*

429.

*Kẻ ngu dùng lời ác
Muốn hơn bậc thánh hiền
Ai muốn điều phục họ
Giữ im lặng mặc nhiên.*

¹ Giữa ta và người kia có ba cái sợ lớn: hoặc mình, hoặc người kia, hoặc cả hai sẽ bị tổn thất bởi cái giận.

430.

Phàm những người xấu ác

Lấy giận trả oán hờn

Không lấy giận trả giận

Là người sáng suốt hơn.

Phẩm 26 TRẦN CẦU¹

[568b] Phẩm TRẦN CẦU gồm có 19 bài kệ: phân biệt pháp đực, trong; học cần luôn sáng sạch, điều ô nhục chớ làm.

431.

*Sống không làm điều lành
Chết rơi vào đường ác
Đến đó chẳng tư trang
Chịu khổ không gián đoạn.*

432.

*Trí tuệ, chăm cần cầu
Thắp sáng tâm thiên định
Trừ cấu uế, vô nhiễm
Thoát khỏi thân khổ đau.*

433.

*Người trí, bước thong dong
An nhiên và tinh tiến
Tâm cấu uế lắng đọng
Như thợ luyện vàng ròng.*

¹ Tương đương Pāli, phẩm 18, Malavagga.

434.

*Xấu ác từ tâm sinh
Trở lại hại thân mình
Như sắt sinh rỉ sét
Lại ăn dần chính mình.*

435.

*Không tụng, lời sẽ bản
Biếng nhác, nhà bụi nơ
Không nghiêm, thân ta bản
Buông lung, hỏng mọi việc.*

436.

*Keo kiệt, huệ thí mờ
Bất thiện, nghiệp lành nơ
Đời này, đời sau nữa
Ác pháp luôn phủ mờ.*

437.

*Trong các loại bản ấy
Ngu si, bản khôn lường
Hãy học bỏ điều ác
Thành tỳ-kheo cao thượng.*

438.

*Sống lỗ mãng, vô sỉ
Như con quạ mỏ dài
Mặt dày, cam phận nhục
Là đời sống bản thay.*

439.

*Liêm sĩ đời tuy khổ
Vì nghĩa, sống thanh bần
Sợ nhục, nên không dối
Xứng danh đời tịnh thanh.*

440.

*Người ngu ưa giết hại
Lời nói luôn dối lừa
Của không cho cũng lấy
Vợ người ta, chẳng chừa.*

441.

*Cứ mặc tình phạm giới
Say sưa trong rượu chè
Người này muôn đời kiếp
Tự đào gốc rễ mình.*

442.

*Người sống trong tỉnh giấc
Điều ác dám nghĩ đâu
Kẻ ngu làm việc xấu
Tự đốt mình dài lâu.*

443.

*Hãy tín tâm bố thí
Chớ đùng vì hư danh
Ưu tô phết hư danh
Không vào dòng định tĩnh.*

444.

*Đoạn trừ mọi tham muốn
Tận ý căn ngọn nguồn
Ngày đêm luôn một lòng
Tắt vào dòng định tĩnh.*

445.

*Đắm đục nhiễm bụi trần
Bụi trần sinh phiền não
Ai không nhiễm, không hành
Hết ngu thành thanh tịnh.*

446.

*Thấy người bị sa ngã
Ta phải chột giết mình
Vướng dục, tự dối mình
Lậu tận, mới thanh tịnh.*

447.

*Sức lửa nào hừng hực
Cho bằng lửa dâm tà
Con đường nào nhanh qua
Cho bằng cơn phẫn nộ
Lưới nào đan dày kín
Cho bằng lưới ngu si
Sông nào cuộn cuộn đi
Cho bằng sông ái dục.*

448.

*Hư không không vết dấu
Sa-môn không ngoại cầu¹
Chúng sanh đều ưa - ghét
Phật thanh tịnh nhiệm mầu.*

¹ Sa-môn không tìm cầu cái gì ở bên ngoài. Tham chiếu Pháp cú Pāli, phẩm 18. Malavagga : Ngoại đạo không sa-môn.

449.

*Hư không không vết dấu
Sa-môn không ngoại cầu
Thế gian, đều hư huyễn
Phật thanh tịnh nhiệm màu !*

Phẩm 27 PHỤNG TRÌ¹

[568c] Phẩm PHỤNG TRÌ có 17 bài kệ: giải thích ý nghĩa đạo; pháp quý nơi đức hạnh; đừng phung phí, tham lam.

450.

*Kẻ mến đạo tu hành
Không tranh đua lợi danh
Có lợi hay không lợi
Không tham đắm, mê lầm.*

451.

*Thường ham ưa việc học
Tâm ngay thẳng thực hành
Nuôi hoài bão tuệ giác
Là tu học chánh chân.*

452.

*Được gọi bậc trí nhân
Chưa hẳn do khéo thuyết
Tâm không còn khiếp nhược
Thuần thiện mới trí nhân.*

¹ Tương đương Pāli, phẩm 19, Dhammatthavagga.

453.

*Người phụng trì Phật pháp
Chẳng phải do nói nhiều
Dù chẳng nghe bao nhiêu
Nhưng y pháp tu tập
Giữ mỗi đạo chẳng mất
Là phụng pháp chân thành.*

454.

*Được gọi là trưởng lão
Đâu hẳn vì tuổi cao
Dù già nua, tóc bạc
Ngu dốt được chi nào?*

455.

*Thường nhớ nghĩ chánh pháp
Minh đạt và thanh cao
Theo nếp sống nhân từ
Mới xứng danh trưởng lão.*

456.

*Dù xinh đẹp như hoa
Nhưng tham, ganh, dối trá
Nói, làm đều điêu ngoa
Đâu ra người đoan chánh?*

457.

*Ai dứt trừ việc ác
Tận gốc rễ ngọn ngành
Trí tuệ, không giận hờn
Mới ra người đoan chánh.*

458.

*Được gọi là sa-môn
Không phải vì cạo đầu
Nếu dối, tham, chấp thủ
Có khác người phạm đầu ?*

459.

*Ai ngừng dứt việc ác
Hoằng Phật đạo rộng sâu
Tâm tịnh, ý tịch lặng
Là sa-môn đứng đầu.*

460.

*Dù được gọi tỳ-kheo
Hành khát thực phi thời
Tà hạnh và phóng đãng
Tỳ-kheo danh huyễn thôi!*

461.

*Ai siêu việt tội phước
Đời phạm hạnh trong veo
Trí tuệ phá nghiệp ác
Đó mới là tỳ-kheo.*

462.

*Được gọi là hiền minh
Đâu phải vì câm nín
Nếu dụng tâm bất tịnh
Chỉ cái vỏ hiền minh!*

463.

*Người đạt tới vô ngã
Nội tâm đã rỗng rang
Trong ngoài đều thênh thang
Xứng danh bậc minh triết.*

464.

*Chẳng phải cứu một loại
Mà cứu khắp muôn loài
Đi trên đường bất hại
Mới xứng bậc thanh cao !*

465.

*Giữ giới, chẳng ai bình
Ta tu hành chân thật
Và đạt được thiền định
Là do khéo khép mình !*

466.

*Ý muốn cầu được an
Chớ tập pháp thế gian.
Kết sử chưa đoạn tận
Há thoát được cõi trần?*

Phẩm 28

CON ĐƯỜNG GIẢI THOÁT¹

[569a] Phẩm này có tên chữ Hán là Đạo Hành, gồm 28 bài kệ: đại ý thuần chỉ bày, mở con đường giải thoát, vốn vô cùng màu nhiệm.

467.

*Bốn đế, tám thánh đạo
Pháp tích² vô thượng tôn
Phạm hạnh, không gì hơn
Cúng đèn được pháp nhãn³.*

468.

*Đường này hết sợ hãi
Kiến tịnh⁴, độ muôn sinh
Đường này hoại ma binh
Gắng thực hành, hết khổ.*

¹ Tương đương Pāli, phẩm 20, Maggavagga.

² Pháp tích: Dấu tích của của Pháp. Con đường dẫn đến quả thánh.

³ Nguyên bản chép: 施燈必得眼. Nghi nhầm. Câu này không liên hệ với ba câu trên. Tham chiếu Pāli: dvipadānaṃ ca cakkhumā, pháp nhãn đấng siêu quần.

⁴ Kiến tịnh 見淨. Pāli: diṭṭhivissuddha. Thấy biết rõ ràng, nhãn quan trong sáng, đã được tịnh hoá.

469.

*Ta đã mở con đường
Đường lớn, sáng lạ thường
Nghe rồi lo tu tập
Tu tập thoát tai ương.*

470.

*Hãy dùng tuệ quán chiếu
Sanh tử - khổ - vô thường
Muốn thoát mọi đau thương
Phải siêng năng hành đạo.*

471.

*Hãy dùng tuệ quán chiếu
Sanh tử - không - vô thường
Muốn thoát mọi đau thương
Phải siêng năng hành đạo.*

472.

*Lúc dậy cần mau dậy
Đừng ngu si vùi thân
Mắt không mở ra được
Làm sao tu được đây?*

473.

*Niệm đáng niệm là chánh
Niệm không đáng là tà
Tuệ quán, tà không khởi
Chánh niệm thật cao xa.*

474.

*Khéo giữ ý, giữ lời
Thân hành chẳng buông lơi
Ba nghiệp ác trừ rồi
Phật nói bậc đắc đạo.*

475.

*Chặt cây không tận gốc
Chồi nhánh sẽ lại sanh
Bứng gốc hết ngọn cành
Tỳ-kheo chứng tịch diệt.*

476.

*Không đốn tận gốc rễ
Cội luyên ái họ hàng
Ái dục thêm buộc ràng
Nhu như ghé con nhớ mẹ.*

477.

*Đoạn tận gốc ý dục
Sinh tử hết bến bờ
Đạo quả ắt đang chờ
Mau chóng đắc tịch tịnh.*

478.

*Tham dục khiến mau già
Bệnh do giận mà ra
Ngu si mở cửa chết
Đắc đạo, trừ cả ba.*

479.

*Buông niệm trước, giữa, sau
Vượt sang bờ tịch tĩnh
Mọi ý niệm lắng định
Già chết hết theo nhau.*

480.

*Ai đắm luyến vợ con
Không quán thấy tật bệnh
Khi cái chết đến gần
Nhanh như dòng nước xiết.*

481.

*Cha không cứu được con¹
Còn trông chi thân bằng?
Khi mạng hết nhờ họ
Như kẻ mù nhờ đèn.*

482.

*Tuệ, giải thoát do tâm
Nên siêng tu kinh, giới
Chăm cứu thế, độ đời
Voi đi bao đau khổ.*

483.

*Xa lìa mọi vực thăm
Như gió thoảng mây trôi
Đã diệt vọng tưởng rồi
Được tri kiến thanh tịnh.*

484.

*Lấy tuệ làm sự nghiệp
Sống đạm bạc, vô vi
Như chánh pháp thọ trì
Cắt đứt dòng sinh tử.*

¹ Cha không cứu được con, hay bà con cứu nhau (Xem Kinh Tập, kinh Mũi tên, Sn.112 : Na pitā tīyate puttam, ñāti vā pana ñātake).

485.

*Bằng cái nhìn tuệ giác
Thấy các hành¹ là không²
Nhàm chán thế gian khổ
Nhập chánh đạo vào dòng.*

486.

*Bằng cái nhìn tuệ giác
Thấy các hành đều khổ
Nhàm chán thế gian khổ
Nhập chánh đạo vào dòng.*

487.

*Bằng cái nhìn tuệ giác
Thấy các hành vô ngã
Nhàm chán thế gian khổ
Nhập chánh đạo vào dòng.*

488.

*Tâm thế người hiện nay
Bị trúng mũi tên ái
Nên hãy tự gắng sức
Thọ trì lời Như lai.*

¹ Hành 行 (S: saṃskāra): chỉ các pháp hữu vi, do nhân duyên tạo thành.

² Pāli, kệ 277 : *Tất cả hành vô thường.*

489.

*Như Lai đã vắng lặng
Hết sanh tử đến đi
Chẳng còn dây ái gì
Giáo nghĩa là mắt pháp.¹*

490.

*Biển ôm trọn muôn dòng
Đủ đầy bao hương vị
Pháp dành cho người trí
Chỉ thuần vị cam lồ.*

491.

*Trước chưa nghe Pháp âm
Thương chúng sanh, Phật chuyển
Ai tôn kính, phụng hành
Sẽ vượt thoát tử sanh.*

492.

*Ba niệm ý, miệng, thân
Dù thiện hay bất thiện
Do niệm nên nghiệp chuyển
Hãy diệt bằng Chánh cần.*

¹ Sở dĩ nhiên vi đạo nhãn 所演為道眼: Pháp Phật nói ra từ sự chứng ngộ, từ con mắt đã thấy đạo.

493.

*Ba định¹ làm nhân duyên
Buông xả², hành vô lượng³
Ba định diệt ba nghiệp⁴
Kết sử đoạn hết liền.*

494.

*Biết lấy giới ngăn ác
Vui chánh niệm, tuệ giác
Đã biết đời bại thành
Tịnh tâm đạt giải thoát.*

¹ Ba định: 1. Định có tâm có tứ; 2. Định không tâm, có tứ; 3. Định không tâm, không tứ.

² Nguyên tác ghi khí ý, 棄捨, xả niệm thanh tịnh.

³ Phát huy Tứ vô lượng tâm.

⁴ Trụ ở Tứ thiền, nhập vào định thanh tịnh, không còn khởi tưởng chấp trước, tất cả kết sử sẽ nhanh chóng được diệt trừ.

Phẩm 29 QUẢNG DIỄN¹

[569c] Phẩm QUẢNG DIỄN có 14 bài kệ: luận về thiện và ác, tích nhỏ mà thành to, minh chứng qua Pháp cú.

495.

*Tặng niềm vui dù nhỏ
Phước báo lại rất to
Tặng tuệ giác dù nhỏ
Hưởng phước trí thêm to.*

496.

*Gây khổ cho người khác
Mà mong được bình an
Thì rước họa vào thân
Tự gây thêm thù hận.*

497.

*Làm toàn chuyện bao đồng
Việc nào cũng viển vông
Lại buông lung ca hát
Nghịch ác thêm ngập dòng.*

¹ Tương đương Pāli: phẩm 21, Pakiṇṇakavagga.

498.

*Tập tinh tiến, tu thân
Làm việc đáng nên làm
Tỉnh giác, không làm ác
Là chánh nghiệp tu hành.*

499.

*Tư chất vốn thông minh
Lại học hỏi thật tình
Như dầu loang mặt nước
Người ấy càng thông minh.*

500.

*Vốn chẳng mấy trí tuệ
Lại biếng nhác hỏi han
Tâm trí càng xơ cứng
Bơ vào nước há tan ?*

501.

*Gần đạo trí sáng ngời
Như lên núi tuyết cao
Xa đạo đời đen tối
Như tên bay trong đêm.*

502.

*Đệ tử Phật nhớ rằng
Phải thường xuyên tỉnh giác
Ngày đêm luôn niệm Phật
Niệm Pháp và niệm Tăng.*

503.

*Đệ tử Phật nhớ rằng
Phải thường xuyên tỉnh giác
Ngày đêm tu thiền quán
Đạt an lạc nhất tâm.*

504.

*Ai muốn được sống lâu
Mỗi lần ăn biết đủ
Bệnh khổ sẽ giảm mau
Nhờ uống ăn điều độ.*

505.

*Học khó, bỏ lỗi khó
Tu tại gia khó hơn
Hội họp đồng lợi khó
Khó nhất, không lỗi làm.*

506.

*Tỳ-kheo khát thực khó
Sao không tự vươn lên
Tinh tấn đạt tự tại
Sau khỏi cầu cạnh ai?*

507.

*Có tín, giới sẽ thành
Từ giới, phước quả sanh
Khi tín, giới song hành
Nơi nơi người kính phụng.¹*

508.

*Ai đi, đứng, nằm, ngồi
Chánh niệm chẳng buông xuôi
Điều phục thân chuyên nhất
Tâm vui giữa núi đồi.*

¹ Bài này giống kệ 077.

Phẩm 30

ĐỊA NGỤC¹

[570a] Phẩm ĐỊA NGỤC có 16 bài kệ: rằng việc nơi địa ngục, làm ác thọ tai ương, nghiệp dẫn không dừng bước.

509.

*Vọng ngữ rơi địa ngục
Làm rồi lại chối phăng
Đời sau tội càng tăng
Nghiệp đã gieo tự gánh.*

510.

*Dẫu thân mặc pháp y
Việc ác không kiềm chế
Làm ác chẳng kiêng nể
Chết địa ngục phải đi.*

¹ Tương đương Pāli, phẩm 22, Nirayavagga.

511.

*Phá giới, nhận vật thực
Lẽ nào chẳng hại thân?
Chết nuốt hòn sắt nóng
Lửa thiêu cháy thành than.*

512.

*Buông lung có bốn họa:
Dễ tơ tưởng vợ người (1)
Bất lợi ở mọi nơi (2)
Bị người đời phỉ nhổ (3)
Tính dục lại tăng thêm (4).*

513.

*Không phước lợi, đoạ lạc
Hoảng sợ, hết niềm vui
Bị vương pháp dập vùi
Chết tan xương địa ngục.¹*

¹ Tham chiếu Pāli, kệ 310.

514.

*Thí như nhỏ cỏ may¹
Nắm vào dễ đứt tay
Thọ giới không giữ giới
Địa ngục mình tự gây.*

515.

*Kẻ biếng lười, tự cao
Chẳng trừ được trần lao
Phạm hạnh không trọn vẹn
Chẳng được chút phước nào.*

516.

*Siêng làm việc chính đáng
Và làm hết khả năng
Bọn ngoại đạo chớ gần
Bụi trần đâu dính dáng.*

¹ Cỏ may (tức gian thảo 菅草): cỏ gian, cỏ may. Pāli: Kuso yathā duggahīto: như vụng nắm cỏ kusa. Cỏ Kusa có danh pháp khoa học là Desmostachya Bipinnata. Kusa là loài cỏ được mô tả trong kinh điển Phật giáo với hai cạnh bên sắc bén, có thể làm đứt tay (Dhp. 311), hoặc dễ bị giạt đứt (S.iii,137), hoặc dùng làm áo mặc (D.i, 166; M.ii,162)... Cỏ may và cỏ kusa cùng bộ (Poales) và họ (Poaceae) nhưng khác chi và khác loài. Cỏ may không làm đứt tay, nên trường hợp này phải hiểu là cỏ kusa.

517.

*Làm những điều vô bổ
Ngày sau ắt ăn năn
Làm lành thường may mắn
Không hối hận, luôn an.*

518.

*Ở trong các hạnh ác
Muốn làm, hoặc đã làm
Thì khổ không thể thoát
Nghĩ đến khó được an.*

519.

*Nhận hối lộ, dối gian
Bẻ cong điều chân chính
Gièm pha người lương thiện
Bức hiếp hàng thư sinh
Kẻ tạo tội điêu linh
Tự mình rơi ngục tối.*

520.

*Như phòng bị biên cương
Trong ngoài đều vững chắc
Tự phòng hộ tâm mình
Đừng để phi pháp sinh
Cầu thả ắt chuốc hoạ
Khiến rơi vào ngục hình.*

521.

*Không đáng thẹn, lại thẹn
Đáng thẹn, lại tỉnh bơ
Sống như kẻ ngu ngơ
Chết rơi vào địa ngục.*

522.

*Không đáng sợ, lại sợ
Đáng sợ, lại coi thường
Sống tin vào tà kiến
Chết đoạ ngục thảm thương.*

523.

*Điều nên gần, không gần
Việc đáng kiêng, không kiêng
Do huân tập tà kiến
Chết rơi vào địa ngục.*

524.

*Điều đáng gần nên gần
Việc đáng xa nên xa
Chánh kiến chẳng rời ta
Chết đi vào nẻo thiện.*

Phẩm 31

VÍ DỤ CON VOI¹

[570b] Phẩm này có tên chữ Hán là Tượng Dụ, gồm 18 bài kệ : dạy người đoan chánh thân, làm thiện được quả thiện, hưởng phước báo an vui.

525.

*Ta như voi xung trận
Không hề sợ trúng tên
Thường lấy lòng tin thành
Độ người không giới hạn.*

526.

*Như voi đã thuần hoá
Được nhà vua thân chinh
Ai thuần hoá được mình
Mọi người tin, kính trọng.*

527.

*Dù thường xuyên huấn luyện
Voi giỏi, chạy thật nhanh
Không bằng người khéo léo
Tự điều phục chính mình.*

¹ Tương đương Pāli, phẩm 23, Nāgavagga.

528.

*Voi ngựa không thể chở
Người đi khắp muôn nơi
Chỉ người tự điều phục
Đi khắp cả chân trời.*

529.

*Như voi tên Tài thủ¹
Hung dữ khó bảo ban
Trói nó, không cho ăn
Vẫn hung dữ, nhớ đàn.*

530.

*Cũng vậy, người làm ác
Lấy dây thãm buộc mình
Như voi chẳng biết sợ
Nên cứ hoài tái sinh.*

531.

*Muốn tâm ý chín mùi
Và đến chỗ an vui
Phải hàng phục kết sử
Như luyện voi bằng dùi.*

¹ Tên Pāli là Dhanapalaka, còn gọi là Tài hộ.

532.

*Vui đạo, không phóng túng
Thường khéo giữ tâm này
Khổ bản thân nhỏ sạch
Như voi hét sa lầy.*

533.

*Làm bạn với người tốt
Cùng đi chung đường lành
Thấy nghe chuyển hoá nhanh
Đến nơi không làm lỗi.*

534.

*Không gặp bạn hiền mình
Thà quyết sống một mình
Như vua bỏ thành ấp
Lánh xa phường bất minh.*

535.

*Thà mình ta lương thiện
Hơn kết bạn kẻ ngu
Một mình, không làm ác
Như voi tự phòng hộ.*

536.

*Một cuộc đời hạnh phúc :
Có bạn tốt, nhu hoà
Cả đời luôn làm phước
Những điều ác lánh xa.*

537.

*Vui thay ai còn mẹ
Vui thay ai còn cha
Vui thay đời có Đạo
Vui thay đời còn Tăng!*

538.

*Một cuộc đời an lạc:
Giữ giới, vững niềm tin
Đạt được tuệ giải thoát
Không làm ác vui thay!*

539.

*Như ngựa đã thuần thục
Điều phục theo ý mình
Tín, tấn, giới và định
Đầy đủ các pháp hành.*

540.

*Hiếu và hành vĩng chāi
Nhân, hòa, và địn̄h tâm
Đoạn trừ̄ tất cả khố
Ta mặc tình thong dong.*

541.

*Nhập vào dòng chánh địn̄h
Nhu ngựa luyện đã tinh
Đoạn sân, sạch hết lậu
Hưởng phước trời an lành.*

542.

*Tự mình chẳng buông lung
Hằng sống trong tỉnh thức
Nhu ngựa gầy nỗ lực
Bỏ ác thành hiền lương.*

Phẩm 32

ÁI DỤC¹

[570c] Phẩm ÁI DỤC gồm 33 bài kệ. Nội dung phẩm này: khinh miệt ân ái dâm; người đời bị nó dắt, sinh tai họa khôn lường.

543.

*Dong ruổi theo tà hạnh
Dục ái thêm nhánh cành
Lửa ái dục lan nhanh
Như khi chuyển hái trái.*

544.

*Vì ái, khổ muôn vàn
Tham dục vương thế gian
Ngày đêm lo buồn mãi
Như cỏ tranh mọc tràn.*

545.

*Người say đắm ái ân
Chưa từng dứt dục tình
Buồn lo, thêm sâu nã
Tí tách ngập ao sâu.*

¹ Tương đương Pāli, phẩm 24, Taṇhāvagga.

546.

*Đời sở dĩ buồn lo
Bởi khổ đau muôn hướng
Do ái kia triền phược
Lìa ái hết buồn lo.*

547.

*Không lo, tâm an lạc
Không ái, hết trần gian
Không lo, không vướng lụy
Không ái, sống bình an.*

548.

*Ái buộc ràng đến chết
Bởi quyến thuộc họ hàng
Suốt dậm dài buồn tủi
Ái khổ mãi đeo mang.*

549.

*Người vì đạo tu hành
Chớ say đắm ái ân
Phải nhớ tận gốc ái
Đừng để rễ nảy cành
Chớ như cắt lau sậy
Khiến tâm đục lại sanh.*

550.

*Như gốc cây sâu, chắc
Dù chặt, vẫn còn lên
Tâm ái chưa trờ hết
Đau khổ còn chịu thêm.*

551.

*Khi vượn bắt khỏi rừng
Thoát lại về chốn ấy
Chúng sanh cũng thế đấy
Thoát ngục, lại chui vào.*

552.

*Dòng ái dục chảy hoài
Cùng kiêu mạn tràn ai
Tư tưởng nhuốm dục vọng
Đâu còn thấy đúng sai.*

553.

*Dòng tâm ý chảy tràn
Ái kết tựa dây đàn
Chỉ có tuệ chân thật
Mới chặn dòng tràn lan.*

554.

*Lặn hụp trong bể ái
Tâm tư cứ miên man
Bể ái sâu không đáy
Già chết còn thêm tăng.*

555.

*Nhánh cành ái chưa dứt
Lấy tham dục bón thêm
Oán thù nuôi chồng chất
Cuốn kẻ ngu ngày đêm.*

556.

*Dấu gông cùm địa ngục
Dấu vách sắt tường đồng
Nghịch ái nhiễm vợ con
Còn chắc bền hơn thế.*

557.

*Ngục ái quá bền chặt
Mấy ai thoát được ra
Chỉ có người đoạn ái
Mới hay thường là xa.*

558.

*Thấy sắc tâm vấn vương
Đâu thấy lẽ vô thường
Kẻ ngu mê sắc đẹp
Nào biết sắc tợ sương.*

559.

*Cuộn mình trong đục lạt
Như kén quán thân tầm
Bậc trí khéo đoạn dứt
Mọi thống khổ mất tăm.*

560.

*Kẻ buông thả tâm mình
Thấy dâm dục là tịnh
Nghiep ái càng thêm nặng
Tự xây ngục cho mình.*

561.

*Bậc trí khéo đoạn dục
Thường nhớ nó nhiễm ô
Phá dâm tà hang ổ
Đoạn nỗi lo luân hồi.*

562.

*Vây mình trong lưới ái
Trùm kín cả thân tâm
Trói buộc mình ở đó
Như cá rúc vào nơm.*

563.

*Bị già chết rập rình
Như ghé con khát sữa
Lìa dục, diệt ái ân
Ái dục đâu tìm nữa.*

564.

*Bạc đại trí đi trốn
Con đường phá ngục tù
Thoát nhị biên rồi mù
Bước lên bờ giải thoát.*

565.

*Kẻ phi pháp chớ thân
Ái dục cũng đừng gần
Người chưa vượt ba cõi
Sẽ còn mãi tái sanh.*

566.

*Thấy rõ tất cả pháp
Mà không vương pháp nào
Tâm thoát ly ái dục
Tỏ thông thánh ý cao.*

567.

*Thí nào hơn pháp thí
Vị nào hơn pháp vị
Lạc nào hơn pháp lạc
Ái tận hết khổ đau.*

568.

*Kẻ bị dây tham buộc
Không thể đến bờ kia
Tham dục gây tai họa
Cho mình và muôn loài.*

569.

*Tâm ái dục là ruộng
Hạt giống, dâm, nộ, si
Ai vượt qua tức thì
Được phước không hạn lượng.*

570.

*Ít bạn, nhiều của cải
Mối hoạ cho người buôn.
Tránh giặc dục hại thân
Người trí diệt tham muốn.*

571.

*Tham muốn của thân tâm
Đâu chỉ có ngũ dục¹
Người khéo đoạn tuyệt nó
Mới xứng danh anh hùng.*

572.

*Không dục, không lo sợ
Lòng một cõi thênh thang
Ái dục thôi gút mắc
Thoát khỏi vực nguy nan.*

573.

*Dục, ta biết gốc nguoi
Nguoi từ tư tưởng sanh
Ta không còn tư tưởng
Thì nguoi hết chỗ sanh.*

¹ Ngũ dục, năm đối tượng của sự tham muốn (ngũ dục): tài, sắc, danh, thực, thụ.

574.

*Đốn cây không tận gốc
Chồi nhánh sẽ lại sanh
Đốn cây luôn gốc, ngọn
Tỳ-kheo vào niết-bàn.*

575.

*Gốc ái chưa đoạn tận
Ít nhiều còn nhánh cành
Tâm vương mắc càng nhanh
Như ghé con tìm mẹ.*

Phẩm 33

LỢI DUỖNG¹

[571b] Phẩm LỢI DUỖNG có 20 bài kệ: gắng giữ mình, ngừa tham; thấy đức, nghĩ đạo nghĩa; đừng để uế tạp sinh.

576.

*Chuối trở buồng rồi chết
Lau đom bông cũng tàn
La mang thai mất mạng
Người chết bởi lòng tham.²*

577.

*Tham tai hại như thế
Từ gốc si ra đời
Ngu si hại kẻ trí
Đến cổ đứt, đầu rơi.*

¹ Không có Pāli tương đương.

² Tham cứu : **Tiểu phẩm (Cullavagga)**, chương 7, chia sẽ hội chúng, đoạn 359.

578.

*Bậc hiền trí thấy rõ
Tham vui ít, khổ nhiều
Dù trời mưa bầy bâu
Tham chưa đầy bao nhiêu.¹*

579.

*Đệ tử của Phật đà
Vui niềm vui vô dục
Tỉnh giác và lánh xa
Những dục lạc cõi trời.²*

580.

*Tỳ-kheo tham lợi dưỡng
Xa đạo, lạc nẻo tà
Dẫu có ban phát ra
Cũng keo kiệt, hạn hẹp.*

581.

*Chớ vì chút lợi dưỡng
Khoe mình hạnh tu cao
Xứng tán, ca ngợi nào
Chỉ nhọc tâm, phiền não¹?*

¹ Pāli, kệ 186.

² Pāli, kệ 187.

582.

*Ngu bày kế cho ngu
Dục, mạn thêm tăng trưởng
Lạ thay, mất lợi dưỡng
Đường niết-bàn mất luôn.*

583.

*Tỳ-kheo đệ tử Phật
Thấy sự thật rõ ràng
Lợi dưỡng lòng không màng
Lặng lòng nơi thôn dã.*

584.

*Được cúng, đừng cầu cạnh
Đừng ý lại, ngóng trông
Tỳ-kheo còn dựa dẫm
Không định tâm tu hành.*

585.

*Muốn an thân tuệ mạng
Tự tỉnh giác, lặng tâm
Không lo toan, tính toán
Chuyện y áo, uống, ăn.*

¹ Tham chiếu *kinh Xuất diêu*, 15. ĐTK/ĐCTT, T.4, N°. 0212.

586.

*Muốn an thân tuệ mạng
Tự tỉnh giác, lắng tâm
Giữ một pháp tu hành
Là sống đời tri túc.*

587.

*Muốn an thân tuệ mạng
Tự tỉnh giác, lắng tâm
Như chuột nắp trong hang
Ẩn cư, thực hành pháp.*

588.

*Bớt hưởng thụ, bớt nghe
Giữ giới, tu thiền định
Không biếng lười, thanh tịnh
Được bậc trí ngợi khen.*

589.

*Nếu thành tựu tam minh
Được vô lậu, giải thoát.
Nếu trí tuệ còn con
Thì hiểu, nhớ được gì?*

590.

*Cũng vì việc uống ă
Mà theo người cầu cạnh
Bao tánh xấu nảy sanh
Cũng vì tham lợi dưỡng.*

591.

*Không vâng lời Phật dạy
Chỉ ngưỡng cầu uống ă
Lợi danh, oán kết tăng
Hạng giả trang thiên tướng.*

592.

*Phải biết lỗi làm này
Lợi dưỡng đáng sợ thay !
Tỳ-kheo nhận vừa đủ
Tâm thoát khổ buồn vầy.*

593.

*Sống phải nhờ vật thực
Ai nhịn mãi được đâu?
Có thân, lụy cơm, rau
Biết vậy đừng ganh ghét¹.*

¹ Tham chiếu *kinh Xuất diêu*, 15. ĐTK/ĐCTT, T.4, N°. 0212.

594.

*Ganh ghét hại mình trước
Sau lại hại thêm người
Đánh người, người đánh trả
Nên hận thù không nguôi.*

595.

*Thà nuốt hòn đá nóng
Hay uống nước đồng sôi
Đừng đem thân phá giới
Nhận thức ăn của người.¹*

¹ Pāli, kệ 308.

Phẩm 34 SA MÔN¹

[571c] Phẩm SA MÔN có 32 bài kệ: dạy dỗ bằng chánh pháp; đệ tử nhận, phụng hành; đặc đạo giải thanh tịnh.

596.

*Giữ mắt, tai, mũi, miệng
Thân, ý luôn thẳng ngay
Tỳ-kheo hành thế đấy
Thoát được mọi khổ đau.*

597.

*Tay, chân chớ làm bừa
Thiền định tâm thường ưa
Kiệm lời, việc như pháp
Hạnh vắng lặng có thừa.*

598.

*Tu học phải giữ miệng
Tìu tổn, dứt điều ngoa
Nói pháp là chuẩn mực
Thuyết giảng lời nhu hòa.*

¹ Tương đương Pāli, phẩm 25, Bhikkhuvagga.

599.

*Thích pháp, thực hành pháp
Tư duy pháp an lạc
Tỳ-kheo nương tựa pháp
Chân chính, không uổng đời.*

600.

*Học đạo đừng cầu lợi
Không tư tưởng của người
Tỳ-kheo hướng ra ngoài
Khó dừng tâm, định ý.*

601.

*Tỳ-kheo được cúng dường
Không tham lam, thủ lợi
Sống thanh tịnh một đời
Được trời người khen ngợi.*

602.

*Tỳ-kheo sống từ bi
Yêu kính lời Phật dạy
Hành sâu pháp chỉ, quán
Tâm lắng dịu, được an.*

603.

*Hết thấy danh và sắc
Không phải ngã, ngã sở
Không gân, không lo sợ
Mới chính là tỳ-kheo.*

604.

*Tỳ-kheo chèo thuyền không
Thuyền không trôi nhẹ nhàng
Trừ sạch si, dâm, nộ
Xuôi dòng đến niết-bàn.*

605.

*Bỏ năm, đoạn trừ năm¹
Tu năm căn vô lậu²
Lại nhận rõ năm kết³
Là vượt thoát bộc lưu.⁴*

¹ Xả bỏ ngũ dục (tài, sắc, danh, thực, thụ). Đoạn năm triền cái (tham dục, sân hận, hôn trầm, trạo cử và hoài nghi. Xem *Kinh Tương Ưng*, tập 1, chương 1, Tương ưng chư Thiên, S.i,5; tương đương *Tạp A-hàm*, tập 36, kinh số 1002.

² Năm căn vô lậu : Tín, tấn, niệm, định, tuệ.

³ Năm kết : Tham kết, sân kết, mạn kết, tật kết, xan kết. Xem *Trung A-hàm, A-tì-đạt-ma phát trí luận, Tập di môn túc luận, Đại tỳ-bà-sa luận*. Theo *Kinh Xuất Diệu*, năm kết gồm tham dục, sân khuể, thụ miên, điệu hí (trạo cử), nghi. Theo *Thanh tịnh đạo luận*, ngũ kết là tham, sân, si, mạn, kiến.

⁴ Tham chiếu *Trường lão Tăng kệ*, Kunda Dhàna, chương 1 kệ, Sona-Kolivisa, chương 13 kệ.

606.

*Tỳ-kheo không dục loạn
Thiền định, chẳng buông lung
Nước đồng sôi không uống
Chẳng đốt hại thân mình.*

607.

*Không tập thiền, không trí
Không trí, chẳng tập thiền.
Đạo đến từ thiền, trí
Đạt niết-bàn an nhiên.*

608.

*Học đạo vào cửa Không
Tĩnh cư và thiền định
Một mình vui chỗ vắng
Quán các pháp tỏ thông.*

609.

*Thường chế ngự năm uẩn
Tâm thuần như nước xuôi
Thanh tịnh và an vui
Ném cam lộ thượng vị.*

610.

*Không sở hữu vật gì
Nhiếp căn và biết đủ
Giới luật luôn nghiêm trì
Là tỳ-kheo trí tuệ.*

611.

*Tỳ-kheo sống thanh tịnh
Tìm thầy lành, bạn tốt
Phước trí sẽ chóng thành
Thoát khổ, đến an lạc.*

612.

*Như đóa hoa vê-sư¹
Héo tàn tự rụng xuống
Tỳ-kheo hết kết sử
Sanh tử tự rụng rơi.*

613.

*Thân miệng luôn lắng dịu
Tâm thấu lẽ diệu huyền
Buông bỏ chuyện thị phi
Tỳ-kheo luôn tịch diệt.*

¹ Hoa vê-sư (tức vê-sư hoa 衛師華, Pāli: vassikā). HT. Minh Châu chú thích là hoa lài.

614.

*Thân luôn tự trang nghiêm
Tâm thường xuyên tỉnh giác
Giữ thân trong chánh niệm
Tỳ-kheo sống an lành.*

615.

*Ta hãy vì chính ta
Dù rằng ta vô ngã
Điều phục ta, diệt ngã
Hiện giả ắt tự thành!*

616.

*Sống vui trong lời Phật
Niềm hoan hỷ càng tăng
Sẽ đến nơi vắng lặng
Hành diệt,¹ mãi khinh an.*

617.

*Tỳ-kheo tuổi chưa nhiều
Làm đúng lời Phật dạy
Chiếu sáng thế gian này
Như trời quang mây tạnh.*

¹ Các pháp hữu vi đã được nhiếp phục.

618.

*Bỏ mạn, dứt kiêu căng
Như sen làm sạch nước
Tỳ-kheo không chấp trước
Ngát hơn cả hoa sen.*

619.

*Cắt ái, đoạn luyến tiếc
Như sen chẳng nhiễm bùn
Tỳ-kheo vượt ái dục
Sáng hơn cả hoa sen.*

620.

*Cắt đứt dòng vọng tưởng
Trừ ái quyết một lòng
Dòng ái dục chưa dứt
Tâm ý còn ruồi dong.*

621.

*Việc làm hãy làm ngay
Quyết vững lòng gánh vác
Xuất gia mà biếng nhác
Thì tâm còn nhiễm ô.*

622.

*Kẻ tu học lười nhác
Chẳng gột rửa tâm mình
Phạm hạnh không trong sạch
Làm sao đến niết-bàn ?*

623.

*Tỳ-kheo mà phóng túng
Đi đứng chẳng dè chừng
Mặc tâm ý buông lung
Từng bước thêm nhiễm bẩn.*

624.

*Cà-sa khoác trên vai
Lại không từ việc ác
Làm ác bồi nghiệp ác
Ắt đọa lạc mà thôi.*

625.

*Dạy kẻ khó thuận hoá
Như gió thổi cây khô.
Gây khổ, mình chuốc khổ
Mà sao không gắng tu ?*

626.

*Cạo đầu, tâm chưa yên
Khi dục, mạn vẫn còn.
Bỏ tham, nghĩ về đạo
Mới có thể định tâm.*

627.

*Cạo tóc, tâm chưa yên
Phóng dật, bất tín còn.
Ai diệt sạch các khổ
Mới xứng bậc sa-môn.*

Phẩm 35

PHẠM CHÍ¹

[572b] Phẩm PHẠM CHÍ có 40 bài kệ, bàn về : nói và làm thanh tịnh, học lý không tạp dơ, đáng gọi bậc đạo sĩ.

628.

*Ai cắt dòng², vượt thoát
Vô dục như Phạm thiên
Các hành³ hết phan duyên
Là xứng danh Phạm chí.*

629.

*Xả phiền, hành bất hại
Thanh tịnh, hướng an nhiên
Ái dục hết đảo điên
Xứng danh bậc Phạm chí.⁴*

¹ Tương đương Pāli, phẩm 26, Brāhmaṇavagga.

² Cắt đứt dòng ái dục.

³ Hành: các pháp hữu vi.

⁴ Tham chiếu *Kinh Xuất diệu*, quyển 29. ĐTK/ĐCTT, tập 4, kinh số 212.

630.

*Không bờ này, bến nọ
Cả hai bờ rỗng rang
Tham ái hết buộc ràng
Xứng danh bậc Phạm chí.*

631.

*Tư duy không nhiễm bản
Hành xử không lỗi lầm
Không cầu muốn gì thêm
Xứng danh bậc Phạm chí.*

632.

*Ban ngày mặt trời rạng
Ban đêm trăng chiếu soi
Giáp binh, quân trận sáng
Thiền định rạng người tu
Phật xuất hiện thế gian
Là sáng soi tất cả !*

633.

*Cạo đầu, há sa-môn
Tụng chú, há phạm chí
Ai trừ mọi điều ác
Xứng danh bậc đạo nhân.*

634.

*Đoạn ác là phạm chí
Chánh hạnh là sa-môn
Ngã, cấu uế sạch không
Bạc xuất gia lý tưởng.*

635.

*Ai sống giữa ái ân
Tâm không hề vương bận
Đã xả, đã chánh chân
Là bậc hết đau khổ.*

636.

*Thân, miệng, và tâm ý
Thanh tịnh không lỗi lầm
Khéo nhiếp phục ba nghiệp
Là phạm chí chân nhân.*

637.

*Ai nội tâm hiểu rõ
Pháp mà Phật tuyên dương
Tâm quán, tự về nương
Như lấy nước gội sạch.*

638.

*Không phải cứ búi tóc
Là trở thành phạm chí
Ai chí thành hành pháp
Thanh bạch mới hiền nhân.*

639.

*Búi tóc, không trí tuệ
Mặc áo cỏ ích chi ?
Trong không lìa nhiễm trước
Xả bên ngoài được gì ?*

640.

*Dù mặc áo xấu rách
Nhưng y pháp thực hành
Núi rừng tu thiền định
Là Phạm chí đích danh.*

641.

*Phật không dạy bảo ai
Tự khen hay ca ngợi
Ai đúng pháp, không dối
Là Phạm chí thật danh.*

642.

*Dứt tuyệt mọi tham muốn
Tâm quyết không lụy tình
Cắt bỏ lưới dục tình
Là xứng danh phạm chí.*

643.

*Cắt đứt dòng sanh tử
Khéo nhẫn nhục vượt qua
Tự giác, thoát đường ma
Là xứng danh phạm chí.*

644.

*Bị mắng chửi, đánh đập
Nhẫn chịu không giận hờn
Không pháp nhẫn nào hơn
Là xứng danh phạm chí.*

645.

*Bị tổn hại, coi khinh
Chỉ một lòng giữ giới
Đoan chánh giữ thân mình
Là xứng danh phạm chí.*

646.

*Tâm trút bỏ pháp ác
Giống như rắn thay da
Dục chẳng làm sa đà
Là xứng danh phạm chí.*

647.

*Biết cuộc đời khổ đau
Đặt mình nơi vắng lặng
Buông bỏ được gánh nặng
Là xứng danh phạm chí.*

648.

*Người trí tuệ sâu xa
Biết rõ nẻo chánh, tà
Đạt lý mâu cao cả
Là xứng danh phạm chí.*

649.

*Không phiền lụy người đời
Không vướng bận người tu
Ít mong cầu, biết đủ
Phạm chí này chân tu.*

650.

*Bỏ gậy gộc, vũ khí
Tâm ý không hại ai
Chẳng tổn hại muôn loài
Là xứng danh phạm chí.*

651.

*Tránh xa chốn tranh giành
Bị xúc xiểm không ganh
Lấy thiện hoá giải ác
Là xứng danh phạm chí.*

652.

*Bỏ dâm, nộ, si, ác
Kiêu mạn cũng lìa xa
Như rắn đã thay da
Đó chính là phạm chí.*

653.

*Miệng không nói lời ác
Tâm chẳng luy việc đời
Bát chánh đạo rạng ngời
Mới xứng danh phạm chí.*

654.

*Bao việc ác ở đời
Dù dài, ngắn, nhỏ, to
Tâm không giữ, không bỏ
Là Phạm chí đích danh.*

655.

*Đời này sống trong sạch
Đời sau không xấu xa
Không huân tập, không xả
Đó chính là Phạm chí.*

656.

*Thân chẳng cần nương tựa
Miệng chẳng đọc tụng bùa
Đặt mình trong tịch tĩnh
Là Phạm chí xứng danh.*

657.

*Lỗi lầm hay phước phận
Đã siêu việt cả hai
Hết ưu phiền vấy bẩn
Là Phạm chí xứng danh.*

658.

*Tâm hoan hỷ, vô nhiễm
Nhu trắng sáng tròn đầy
Không huỷ báng, trách ai
Là chính danh Phạm chí.*

659.

*Thấy kẻ ngu chìm nổi
Đọa lạc khổ khôn lường
Muốn tìm phương vượt thoát
Không ham bàn gì khác
Ngoài việc cầu niết-bàn
Gọi là bậc Phạm chí.*

660.

*Nghiệp ân ái đã đoạn
Vô dục, đời xuất gia
Ái, hữu đã thoát ra
Là xứng danh Phạm chí.*

661.

*Đã thoát chốn loài người
Không vướng vào cõi trời
Không nương vào ba cõi¹
Là Phạm chí sáng ngời !*

662.

*Bỏ những điều ghét, ưa
Diệt hết không còn thừa
Nhiếp phục mọi thế giới
Gọi là bậc Phạm chí.*

663.

*Chỗ thọ sanh đã hết
Chết không còn đường đi
An ổn chốn vô y
Gọi là bậc Phạm chí.*

664.

*Đã vượt thoát năm đường
Biết không còn đọa lạc
Sạch nghiệp, không dư tàn
Là xứng danh Phạm chí.*

¹ Tham chiếu Pāli: sabbayogavisamṃuttam: giải thoát mọi buộc ràng.

665.

*Ai quá, hiện, vị lai
Chẳng vương thời nào cả
Không thủ cũng không xả
Là Phạm chí xứng danh.*

666.

*Người đại hùng, dũng mãnh
Tự giải thoát, vượt qua
Tâm tĩnh giác, chẳng động
Là Phạm chí xứng danh.*

667.

*Biết gốc của mạng căn
Do đâu tái sanh lại
Muốn dứt kiếp trôi lăn
Thấu đạo màu vắng lặng
Sáng soi mà tĩnh mặc
Là Phạm chí xứng danh.*

Phẩm 36

NIẾT BÀN¹

[573a] Phẩm NIẾT BÀN có 36 bài kệ² : nêu đường về đạo lớn, yên lặng và tịch diệt, thoát nỗi sợ tử sinh.

668.

*Nhẫn là pháp tối thượng
Phật nói niết-bàn cao
Xuất gia không phạm giới
Tâm lặng hại ai nào ?³*

669.

*Không bệnh, lợi lạc nhất
Biết đủ cực giàu sang
Thành tín là họ hàng
Niết-bàn an lạc nhất.⁴*

¹ Không có Pāli tương đương.

² Thực ra chỉ có 35 bài kệ.

³ Pāli, kệ 184.

⁴ Pāli, kệ 204.

670.

*Đói khát, bệnh nặng nhất
Các hành, gây khổ nhất
Hiếu sự thật như vậy
Niết-bàn hạnh phúc nhất.¹*

671.

*Đường lành ít người tới
Nẻo dữ lắm kẻ qua
Một khi đã nghiệm ra
Niết-bàn an ổn nhất.*

672.

*Do nhân sanh nẻo thiện
Do nhân đọa đường ác
Do nhân đến niết-bàn
Các duyên đều như vậy.*

673.

*Hư, nơi sống giữa đồng
Chim liệng giữa tầng không
Pháp nào theo pháp đó
Chân nhân về chốn Không.*

¹ Pāli, kệ 203.

674.

*Vạn pháp vốn là Không
Không tự tánh, sở hữu
Làm sao để nắm bắt
Và có thể suy lường?¹*

675

*Tâm lành khó nhận ra
Thói xấu xa dễ lường
Bậc liễu ngộ về dục
Thấy cả hai tỏ tường.
Không nơi đâu yên vui
Vì khổ sở vun đầy
Ái dục khi chưa cạn
Khổ đau còn đoanh vây.*

676.

*Biết nhiễm, lấy tịnh ngăn
Xa nhiễm, khổ liền diệt.
Thấy nghe, thật thấy nghe
Nhớ biết, thật nhớ biết.¹*

¹ Tham chiếu : 《法句經》譯文及解讀--36泥洹品: 始無如不, 始不如無: 此兩句甚為難解。姚秦譯本此章雲: 我有本以無, 本有我無, 非無亦非有, 如今不可獲。依此, 則大意为, 當初之無如萬物不是當下表象之有, 當初什麼也不是之萬物如同無壹般; 不, 乃是無自性, 是空; 無, 是無所有。此乃以無解空, 屬早期翻譯之結果 (http://quanxue.cn/ct_fojia/FaJu/FaJu79.html)。

677.

*Thấy nghe không dính mắc,
Tâm tư hết buộc ràng
Mọi chấp trước phá tan
Tận trừ tất cả khổ.
Đã diệt trừ ngã tướng
Thân khổ hết chỗ nương
Thức phân biệt đã đoạn
Mọi thống khổ hết vương.²*

¹ Tham khảo: 《法句經》譯文及解讀: 見有見: 見解之外亦有見解。意謂對某壹見解仍然可以提出見解。下文句式同此 (http://quanxue.cn/ct_fojia/FaJu/FaJu79.html)。Tham chiếu *Kinh Xuất diệu*: 見而實而見, 聞而實而聞, 知而實而知, 是謂名苦際 (ĐTK/ĐCTT, tập 4, kinh số 212)。

² Tham khảo, 北傳法句經新譯: 睹無著亦無識, 一切舍為得際, 除身想滅痛行, 識已盡為苦竟。白話新譯: 無論是眼見、耳聽、意念乃至心識, 皆應遠離其染著, 遠離染著者不再執著, 不再執著者自然清徹寂靜, 所以捨離一切的執著, 自然能得清淨智慧, 滅除身心的妄念, 自然能滅除由行為所造作的煩惱痛苦, 若能滅除心識的妄起流竄, 必能滅除一切的煩惱痛苦 (<http://www.mbh.idv.tw/index.php?mod=articles&ID=21&page=5&pid=2202>)。

678.

*Tựa nương là chốn động,
Rỗng rang chốn yên lành
Chốn động chớ nên gần
Vì không sanh hỷ lạc.
Hỷ lạc thôi thân cận¹,
Tịnh yên sẽ quay về
Tịch tịnh an trú rồi
Hết đến đi sanh diệt.*

679.

*Vòng luân hồi chấm dứt
Sanh tử đã ngừng quay
Sống chết hết bủa vây
Không còn đó đây nữa.
Tử sanh, luân hồi dứt
Cả hai đã diệt xong²
Không còn chút mảy lông
Là trừ xong các khổ.*

¹ Xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiên thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm, thanh tịnh.

² Tham khảo 《法句經》譯文及解讀。為兩滅：兩，兩兩相對之意也。來與往，生與死，彼與此，皆「兩」也。然關鍵在於生死輪回，故「兩滅」在此即指斷生死輪回。

680.

*Tỳ-kheo còn sinh mạng¹
Tạo tác, nghiệp vẫn mang²
Chúng vô sanh, vô hữu³
Dục, tác hết buộc ràng.⁴*

681.

*Chỉ những ai vô niệm
Mới có thể đạt thành
Vô sanh, không còn hữu
Vô tác, chẳng còn hành.*

682.

*Còn sanh, hữu, tác hành
Là chưa đạt pháp yếu
Nếu đã hiểu vô sanh
Không còn hữu, tác hành.*

¹ Tham khảo: 《法句經》譯文及解讀. 有世生: 擁有同世人壹樣的生命。

² Tham khảo: 《法句經》譯文及解讀. 有有: 前面「有」字為動詞, 後面「有」字為名詞, 指存有著的生命。

³ Tham khảo: 《法句經》譯文及解讀. 有無: 存有的生命沒有了。無, 消失了、沒有了。

⁴ Tham khảo: 《法句經》譯文及解讀. 無作無所行: 沒有任何要做的事, 沒有任何做事的慾望。

683.

*Có hữu mới có sanh
Từ sanh, hữu lại khởi
Tạo nghiệp chết rồi sanh
Mở bày ra các pháp.*

684.

*Do ăn mà tồn tại
Do ăn sinh vui buồn
Thức ăn này đoạn tuyệt
Hết dấu vết sống còn.*

685.

*Các pháp khổ đã tận
Hành diệt tự nhiên dừng
Tỳ-kheo đã biết mình
Không trở lại các cõi.*

686.

*Không vào cõi hư không
Không còn nơi để trú
Không vào tướng, phi tướng
Không đời này, đời sau.*

687.

*Ta không còn trở lại
Không còn tưởng trăng sao
Không bám víu chỗ nào
Không còn đi và đến.*

688.

*Không ần cũng không hiện
Đó là bển niết-bàn
Đó là tướng vô tướng
Khổ, vui hết buộc ràng.*

689.

*Cái thấy hết sợ hãi
Không nói, nói không nghi
Bẻ gãy mũi tên hữu
Kẻ ngu hết gá nương
Đạt hạnh phúc chơn thường
Tịch diệt là tối thượng !*

690.

*Tâm nhẫn như mặt đất
Hạnh nhẫn tựa tường thành
Lặng trong như nước sạch
Hết sống chết trôi lăn.¹*

691.

*Lợi lạc chưa đủ cậy
Còn khổ bám theo mình
Phải mong tự thắng mình
Thắng rồi khổ diệt tận.*

692.

*Đừng mượn khi nợ hết
Chán thai đừng hành dâm
Hạt cháy không nảy mầm
Dục hết như lửa tắt.*

693.

*Bào thai là biển uest
Sao còn ra hành dâm?
Dẫu có cõi thiện hơn
Cũng đâu bằng tịch diệt!*

¹ Pāli, kệ 95.

694.

*Biết tất cả đã đoạn
Thế gian hết buộc ràng
Đã buông hết, vượt sang
Con đường này đẹp nhất.*

695.

*Phật đã dạy chân lý
Kẻ trí dùng phụng trì
Sống phạm hạnh, vô nhiễm
Tự biết đến vô vi.*

696.

*Học đạo, trước ly dục
Giữ giới pháp Phật đà
Diệt hết mọi xấu xa
Như chim bay trời rộng.*

697.

*Nếu đã hiểu Pháp cú
Hãy chí tâm thực hành
Vượt qua bờ tử sanh
Hết buồn lo thống khổ.*

698.

*Pháp phật không sâu cạn
Lẽ nào có nhu cương
Cốt đừng còn vọng tưởng
Giải kết cho sạch trong.*

699.

*Bậc trí chán thân này
Thấy mong manh, chẳng thật
Vui ít mà khổ nhiều
Chín lỗ¹, không chút sạch.*

700.

*Có trí nguy thành an
Xả thân, thoát gian nan
Thân mục, tan thành bọt
Người trí, thân chẳng màng.*

701.

*Quán thân một khối khối
Sanh, già, chết, ốm đau
Sống thanh tịnh, ly cấu
Mới được an vui lâu.*

¹ Chín lỗ (tức cửu khổng 九孔): chín cơ quan bài tiết, gồm hai mắt, hai tai, hai mũi, miệng và hai đường đại tiểu tiện.

702.

*Nương tuệ, xé lưới tà
Không thọ¹, lậu sạch tan
Sáng sạch, vượt thế gian
Trời người đều cung kính.*

¹ Sáu căn không tiếp thọ sáu trần.

Phẩm 37 SINH TỬ¹

[574a] Phẩm SINH TỬ có 18 bài kệ: nói linh thức con người, mạng mắt nó tồn tại, tùy nghiệp thức chuyển sanh.

703.

*Mạng như trái chín tới
Thường sợ bị rụng rơi
Có sinh ắt có khổ
Ai thoát chết trong đời.*

704.

*Từ khi vui ân ái
Hành dâm mà nhập thai
Ngày đêm luôn trôi mãi
Thân mạng há lâu dài?*

¹ Không có Pāli tương đương.

705.

*Thân này như vật chết
Tánh linh lại vô hình
Giả sử chết rồi sinh
Tội phước không hề mất.*

706.

*Đâu chỉ sống một đời
Bởi ái, si kéo mãi
Chuồn vui khổ dằng dai
Thân chết, thức còn hoài.*

707.

*Thân bốn đại là sắc
Bốn ấm thức¹ là danh
Vọng tình mười tám giới²
Nói mười hai duyên sanh.*

¹ Bốn ấm thức: tức thọ, tưởng, hành, thức.

² Mười tám giới: 6 căn, 6 trần, 6 thức.

708.

*Thức đi qua chín cõi¹
Dòng sinh tử mãi trôi
Kẻ ngu tối trong đời
Không thiên nhãn để thấy.*

709.

*Đui mù do ba độc
Không mắt tuệ nên làm
Rằng chết sống cũng đồng
Hoặc bảo chết là hết.*

710.

*Thần thức tạo tam giới
Thiện bất thiện, năm đường
Ấm hành lặng lẽ tới
Đi chẳng khác tiếng vang.*

¹ Chín cõi, tức 9 nơi chúng sinh cư trú, còn gọi là cửu hữu, cửu hữu tình cư, cửu chúng sinh cư, cửu cư. Trong tam giới, có tất cả 9 nơi mà chúng sinh vui thích sống, đó là: 1. Trời và người ở Dục giới; 2. Trời sơ thiên; 3. Trời nhị thiên; 4. Trời tam thiên; 5. Trời vô tướng trong cõi tứ thiên; 6. Trời không; 7. Trời thức; 8. Trời vô sở hữu; 9. Trời phi tướng phi phi tướng.

711.

*Thác sinh trong ba cõi
Do nhân đời trước gây
Hạt nào lên cây nấy
Quả báo tự nhiên thôi.*

712.

*Thức dựa căn đặt tên¹
Như lửa, tùy vật đốt
Ở đước, gọi lửa đước
Cỏ, phân, củi, ... lửa than*

713.

*Tâm khởi, pháp liền khởi
Tâm lặng, pháp lặng yên
Sinh diệt bủa khắp miền
Đổi thay không tự biết.*

714.

*Thần thức ruổi năm đường
Bất kể vực, hang sâu
Xả rồi thọ thân sau
Như xe lăn mặt đất.*

¹ Như thức nương nơi căn là con mắt thì gọi tên là nhãn thức.

715.

*Như người trú trong nhà
Bỏ nhà cũ đi ra
Thức mượn thân làm nhà
Thân hoại, vẫn còn thức.*

716.

*Thần thức trú hình hài
Như chim nằm trong tổ
Nó bay khi vỡ ổ
Thân hoại, thức đầu thai.*

717.

*Kẻ ngu si làm tướng
Đắm ngã, lạc, tịnh, thường
Ghét, ưa không chính đáng
Phật bảo thật đáng thương !*

718.

*Vô minh sinh danh sắc
Ba độc, năm đường dài
Các biển có mười hai¹
Ai vượt tất an lạc.*

¹ Mười hai nhập được ví như 12 biển lớn. Nhãn nhập là biển, đối tượng của mắt là sắc cũng là biển (Xem A-tì-đàm bát kiến độ luận).

719.

*Hơi thở, hơi ấm, thức
Một khi đã rã mòn
Biết thân sắp chẳng còn
Phải qua kiếp sống khác.*

720.

*Thân xác vùi xuống đất
Như cỏ rác vô tri
Phải biết chẳng còn gì
Kẻ ngu mới tham chấp.*

Phẩm 38

NẾP SỐNG ĐẠO¹

[574b] Phẩm này có tên chữ Hán là Đạo lợi, gồm 19 bài kệ², nói: vua, cha, thầy thực hành; chỉ bày con đường thiện; dẫn dắt bởi thẳng ngay.

721.

*Ai kính bậc trưởng thượng
Vua, cha, thầy, đạo sĩ
Tín, giới, văn, tuệ, thí
Chết sinh chốn an khương.*

722.

*Nhờ phước lành đời trước
Sinh làm người cao sang
Đem đạo chuyển thế gian
Tu tập, người tiếp bước.*

¹ Không có Pāli không có phẩm này.

² Thực ra có 20 bài kệ.

723.

*Vua là chủ thân dân
Thường ban từ ái khắp
Tự thân giữ giới pháp
Đất nước hết đao binh.*

724.

*Lúc an không quên nguy
Lo nghĩ vun bồi phước
Phước này ai cũng hưởng
Không phân biệt sang hèn.*

725.

*Luận làm tướng thế gian
Phải tu thân, ngay thẳng.
Điều tâm, thắng mọi ác
Là đúng bậc quân vương.*

726.

*Chánh kiến, khéo bố thí
Nhân ái, giúp kẻ nghèo
Có lợi chia đồng đều
Mọi người theo, gần gũi.*

727.

*Như bầy trâu lội nước
Theo bước con đầu đàn
Người phụng pháp tâm an
Chúng dân đều lợi lạc.*

728.

*Đừng phá phách tượng thân
Kéo chuốc khổ vào thân
Ác tâm là tự hại
Chết chẳng sanh nẻo lành.*

729.

*Sống nương vào giới đức
Phước báu thường theo ta
Quân vương thấy lẽ đạo
Đường ác ắt lìa xa.*

730.

*Giữ giới trì khổ, sợ
Phước đức ba cõi thờ
Quý, rộng, tà độc dữ
Không hại người trì giới.*

731.

*Lánh xa kẻ ngu tối
Bất nghĩa, không chân thành
Dối gạt, ưa đấu tranh
Gần họ thêm làm lỗi.*

732.

*Hãy gần bậc hiền nhân
Đủ trí tuệ, giới hạnh
Lời nói luôn chân thành
Gần họ thêm điều thiện.*

733.

*Nói hay, không giới hạnh
Ý loạn, không làm lành
Dù ẩn cư hẻo lánh
Chắc gì bậc tu hành?*

734.

*Lời đẹp, đúng, dẫn đầu
Thuyết pháp đứng kế sau
Thứ ba là ái ngữ
Lời thành thật thứ tư.*

735.

*Không khéo cầm dao bén
Sẽ tự cắt thân mình
Kẻ ngu học dối nịnh
Tự dày đoạ đời mình.*

736.

*Tham dâm, sân giận, si
Là ba gốc bất chánh
Thân tự làm tự gánh
Quả báo từ ái, si.*

737.

*Có phước làm trời, người
Vô phước, đoạ nẻo ác
Thánh nhân thấy rõ vậy
Lời Phật thường nhớ ghi.*

738.

*Phước giới đức đã tạo
Theo mình đến đời sau
Trời, người đều khen ngợi
Tâm chánh, đâu cũng an.*

739.

*Chẳng nghĩ dùng làm ác
Mỗi ngày tự trói gông
Mạng trôi như nhánh sông
Hãy sợ mà giữ giới.*

740.

*Nay tóc ta đã bạc
Tuổi trẻ đã trôi qua
Tiếng thiên sứ vắng xa
Thời xuất gia đã đến!*

Phẩm 39

ĐIỀU LÀNH¹

[574c] Phẩm này có tên chữ Hán là Cát tường, gồm 19 bài kệ², nói: cách tu sửa bản thân, bỏ ác nhắm đến thiện, hưởng phước báu sâu dày.

741.

*Phật tôn quý ba cõi
Khéo giảng nghĩa chơn thường.
Có đạo sĩ Phạm chí
Đến hỏi lễ cát tường?*

742.

*Phật vì lòng xót thương
Giảng pháp yếu chân thật:
Tín sâu, vui chánh pháp
Là việc lành lớn nhất !*

¹ Phẩm này không có Pháp cú Pāli tương đương, nhưng nội dung đồng nhất với kinh Mangala sutta, được ghi trong bộ Sutta nipata và Khuddaka nikaya.

² Có bản chia 18 bài kệ.

743.

*Không cậy nhờ trời, người
Vọng xin điều may mắn
Không cầu đảo thánh thần
Là việc lành lớn nhất.*

744.

*Bạn tốt, sống đất lành
Việc phước đức làm nhanh
Giữ thân mình đoan chánh
Là việc lành lớn nhất.*

745.

*Lìa ác, sống chân thật
Bỏ rượu, tiết chế thân
Không đắm say sắc dục
Là việc lành lớn nhất.*

746.

*Đa văn, hành trì pháp
Tinh tiến học luật nghi
Chánh niệm từng bước đi
Là việc lành lớn nhất.*

747.

*Hiếu dưỡng, thờ mẹ cha
Chăm vợ con, gia đình
Không làm việc vô ích
Là việc lành lớn nhất.*

748.

*Không kiêu căng, tự đại
Biết đủ, thường xét suy
Khé kinh hay nhớ nghĩ
Là việc lành lớn nhất.*

749.

*Thấy nghe thường nhẫn nhục
Thích gần người tu hành
Nghe pháp xong thực hành
Là việc lành lớn nhất.*

750.

*Ăn chay, tu phạm hạnh
Thường muốn gần thánh nhân
Nương tựa bậc chân nhân
Là việc lành lớn nhất.*

751.

*Chánh tín, có đạo đức
Chánh ý, chẳng niệm nghi
Ba nẻo ác chẳng đi
Là việc lành lớn nhất.*

752.

*Tâm bình đẳng bố thí
Vời trời người khiêm cung
Cúng dường bậc Ly dục
Là việc lành lớn nhất.*

753.

*Thường muốn lìa tham dục
Sân giận và ngu si
Tu học, thông chánh lý
Là việc lành lớn nhất.*

754.

*Làm những việc đáng làm
Tránh xa điều vô bổ
Nỗ lực tu thánh đạo
Là việc lành lớn nhất.*

755.

*Vận tâm đại từ bi
Trải đều khắp thiên hạ
Thương xót, an chúng sanh
Là việc lành lớn nhất.*

756 và 757

*Muốn được phước cát tường
Phải kính tin Tam bảo
Muốn cầu phước cát tường
Phải học nghĩa Pháp cú;*

*Muốn cầu phước cát tường
Phải cúng dường Tăng bảo
Người tịnh giới thanh cao
Là việc lành lớn nhất.*

758.

*Sống ở đời, người trí
Thường tập các hạnh lành
Từ đó tuệ phát sanh
Là việc lành lớn nhất.*

759.

*Phạm chí nghe Phật dạy
Tâm hoan hỷ dâng trào
Liên lay ta Như lai
Quy kính ngôi Tam bảo.*

HẾT QUYỂN HẠ